

**LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
NĂM 2016**

| TT  | NHAN ĐỀ  | SINH VIÊN THỰC HIỆN                          | SL |
|-----|--|--|----|
| 1.  | Ảnh hưởng bổ sung khoai lang ( <i>Ipomoea batatas</i> ) làm thức ăn lên sinh trưởng và chất lượng tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) nuôi theo công nghệ biofloc | Nguyễn Thị Thúy<br>Đương<br>LV4601,4602/2016 | 02 |
| 2.  | Ảnh hưởng của bổ sung chất khoáng lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển ( <i>Scylla paramamosain</i> )   | Trần Văn Tích<br>LV4441,4442/2016            | 02 |
| 3.  | Ảnh hưởng của bổ sung enzyme phytase lên hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) nuôi thâm canh   | Thạch Dũng<br>LV4339,4340/2016               | 02 |
| 4.  | Ảnh hưởng của các loại thức ăn bổ sung khác nhau lên tỷ lệ sống, sinh trưởng và sinh sản của artemia franciscana Vĩnh Châu   | Huỳnh Thanh Nam<br>LV4690,4691               | 02 |
| 5.  | Ảnh hưởng của các loại thức ăn lên sự phát triển và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía ( <i>Sesarma sederi</i> ) ương nuôi trong hệ thống nước xanh và nước trong.                  | Trần Quốc Đại<br>LV4686,4687/2016            | 02 |
| 6.  | Ảnh hưởng của các phổ ánh sáng khác nhau lên sự phát triển của tảo <i>Chaetoceros calcitrans</i>   | Trần Thị Thoa<br>LV4148,4149/2016            | 02 |
| 7.  | Ảnh hưởng của chất chiết xuất từ cây diệp hạ châu đắng ( <i>Phyllanthus niruri</i> ) và cây cỏ mực ( <i>Eclipta prostrate</i> ) đến vi nấm trên cá                               | Lê Hải Nghi<br>LV 4455,4456/2016             | 02 |
| 8.  | Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh lên các yếu tố vi sinh, tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) trong bể nuôi                                    | Trần Duy Phương<br>LV4118,4119/2016          | 2  |
| 9.  | Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh lên chất lượng nước, tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> )   | Lê Huy Minh<br>LV4116,4117/2016              | 2  |
| 10. | Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh lên sự phát triển của vi khuẩn nitrobacter trong bể nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> )   | Nguyễn T Quỳnh<br>Nhu<br>LV4158,4159/2016    | 02 |
| 11. | Ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung carbon đến tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu giống ( <i>Scatophagus argus</i> ) ương trong hệ thống biofloc                                      | Nguyễn Diễm Sương<br>LV4618,4619/2016        | 02 |
| 12. | Ảnh hưởng của CO <sub>2</sub> lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá basa ( <i>Pangasius bocourti</i> ).   | Trần Thế Lực<br>LV4698,4699/2016             | 02 |
| 13. | Ảnh hưởng của CO <sub>2</sub> lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) giai đoạn ương giống.   | Huỳnh Quốc Triệu<br>LV4417,4418/2016         | 02 |
| 14. | Ảnh hưởng của CO <sub>2</sub> lên tăng trưởng và tỷ lệ sống trong ương giống tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )   | Phạm Hữu Tính<br>LV4700,4701/2016            | 02 |

|     |   |  |    |
|-----|---|--|----|
| 15. | Ảnh hưởng của độ mặn và mật độ nuôi lên năng suất sinh khối artemia nuôi trên bể  | Phạm Sơn Minh<br>Khôi<br>LV4632,4633/2016    | 02 |
| 16. | Ảnh hưởng của FOS lên tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống của lươn   | Nguyễn Ngô Phương<br>Anh<br>LV4215,4216/2016 | 02 |
| 17. | Ảnh hưởng của fructooligosaccharide lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của lươn( <i>Monopterus albus</i> , Zuiew 1793)   | Nguyễn Thành Học<br>LV4692,4693/2016         | 02 |
| 18. | Ảnh hưởng của hình thức ương lên tăng trưởng, tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) giai đoạn giống                             | Lê Thị Mỹ Kim<br>LV4648,4649/2016            | 02 |
| 19. | Ảnh hưởng của mật độ copepoda lên sự phát triển quần thể artemia ở các độ mặn khác nhau   | Lưu Hoàng Kiệt<br>LV4646,4647/2016           | 02 |
| 20. | Ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của nuôi cá rô phi đỏ ( <i>Oreochromis</i> sp) nuôi trong bể theo công nghệ Bioflocs                     | Đặng Vũ Hải<br>LV4677,4678/2016              | 02 |
| 21. | Ảnh hưởng của mật độ tảo đến sự biến động một số yếu tố chất lượng nước theo chu kỳ ngày và đêm   | Trần Hữu Đăng<br>LV 4172,4173/2016           | 02 |
| 22. | Ảnh hưởng của mật độ ương lên sự phát triển và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía ( <i>Sesarma sederi</i> ) ương trong hệ thống nước xanh và nước trong        | Mai Phước Hậu<br>LV4611,4612,4613            | 03 |
| 23. | Ảnh hưởng của mật độ ương lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của lươn đồng ( <i>Monopterus albus</i> ) ương từ bột lên giống                                     | Nguyễn Diễm Trinh<br>LV4353,4354/2016        | 02 |
| 24. | Ảnh hưởng của mật độ và phương thức nuôi trồng khác nhau đến tăng trưởng và chất lượng rong nho ( <i>Caulerpa Lenillifera</i> )                             | Dương Thị Thanh<br>Mai<br>LV4660,4661/2016   | 02 |
| 25. | Ảnh hưởng của nhiệt độ lên sinh lý máu của lươn đồng 25-30g <i>Monopterus albus</i>   | Võ Minh Huy<br>LV4220,4221/2016              | 02 |
| 26. | Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng của cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) giai đoạn giống trong hệ thống tuần hoàn                           | Phạm Văn Trọng<br>LV4217,4218,4219/<br>2016  | 02 |
| 27. | Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng của cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) giai đoạn cá hương trong hệ thống tuần hoàn                        | Trịnh Tuấn Khanh<br>LV4214/2016              | 01 |
| 28. | Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống trong ương giống tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )   | Nguyễn Khoa Nam<br>LV4696,4697/2016          | 02 |
| 29. | Ảnh hưởng của nhiệt độ và CO <sub>2</sub> lên phát triển phôi và ấu trùng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) và vi khuẩn <i>Vibrio</i> trong môi trường ương | Nguyễn Việt Đức<br>LV4379,4380/2016          | 02 |
| 30. | Ảnh hưởng của nhiệt độ và nitrite lên một số chỉ tiêu sinh lý máu ở cá thát lát còm ( <i>Chitala ornata</i> Gray, 1831)                                     | Lý Thị Ngọc Huỳnh<br>LV4636,4637/2016        | 02 |

|     |   |   |    |
|-----|---|---|----|
| 31. | Ảnh hưởng của nhiệt độ và nitrite lên tăng trưởng ở cá thát lát còm ( <i>Chitala ornate</i> , Gray 1831)  | Đình Phúc Tài<br>LV4634,4635/2016         | 02 |
| 32. | Ảnh hưởng của nhiệt độ và phương pháp bảo quản lên chất lượng trứng bào xác artemia   | Đỗ Phú Quý<br>LV4684,4685/2016            | 02 |
| 33. | Ảnh hưởng của nhiệt độ và phương pháp bảo quản lên chất lượng trứng bào xác artemia ở điều kiện thông thường  | Nguyễn Nhật Linh<br>LV 4445,4446/2016     | 02 |
| 34. | Ảnh hưởng của nitrit đến tiêu hao oxy của cá lóc ( <i>Channa striata</i> )  | Huỳnh Ngọc Thuận<br>LV4638,4939/2016      | 02 |
| 35. | Ảnh hưởng của phương pháp thu hoạch lên năng suất sinh khối artemia franciscana nuôi trên bể  | Nguyễn Minh Hiếu<br>LV4589,4590/2016      | 02 |
| 36. | Ảnh hưởng của rong câu cước ( <i>Gracilariopsis bailinae</i> ) lên sự tăng cường sức đề kháng của tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )   | Đình T Ngọc Mai<br>LV4941,4942/2016       | 2  |
| 37. | Ảnh hưởng của rong mơ ( <i>Sargassum microsystem</i> ) lên sự tăng cường sức đề kháng của tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )   | Nguyễn Thị Tuyết Hòa<br>LV4939,4940/2016  | 2  |
| 38. | Ảnh hưởng của tảo <i>Chlorella</i> sp thu hoạch bằng các biện pháp khác nhau lên sự phát triển của quần thể luân trùng <i>Brachionus plicatilis</i>   | Hà Thị Yên Nhi<br>LV4114,4115/2016        | 2  |
| 39. | Ảnh hưởng của thời gian xử lý nước ngọt trong quy trình sấy trứng lên các chỉ tiêu chất lượng của trứng bào xác artemia   | Lâm Trường Phi<br>LV4439,4440/2016        | 02 |
| 40. | Ảnh hưởng của tỷ lệ C/N và tỷ lệ giảm thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) nuôi theo công nghệ bioflocs                                   | Lê Hoàng Duy<br>LV4666,4667,4668/<br>2016 | 02 |
| 41. | Ảnh hưởng của tỷ lệ C:N đến tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu ( <i>Scatophagus argus</i> ) giống ương trong hệ thống Biofloc   | Nguyễn Văn Đức<br>LV4597,4598/2016        | 02 |
| 42. | Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotics lên năng suất sinh khối artemia franciscana nuôi trên bể  | Võ Thị Tuyết Nhung<br>LV4614,4615/2016    | 02 |
| 43. | Ảnh hưởng của việc bổ sung vi khuẩn <i>bacillus subtilis</i> và fructooligosaccharides vào thức ăn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và kháng bệnh của cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) | Nguyễn Thanh Thoại<br>LV4912,4913/2016    | 2  |
| 44. | Ảnh hưởng của việc bổ sung thức ăn chế biến với liều lượng khác nhau lên tỉ lệ sống, tăng trưởng và các chỉ tiêu sinh sản artemia franciscana Vĩnh Châu                                       | Huỳnh Ngọc Tú<br>LV 4447,4448/2016        | 02 |
| 45. | Ảnh hưởng của việc giảm lượng thức ăn trong nuôi kết hợp tôm sú Hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) và rong câu ( <i>Gracilaria</i> sp.)                           | Nguyễn Thanh Tâm<br>LV4425,4426/2016      | 02 |
| 46. | Ảnh hưởng của việc giảm lượng thức ăn trong nuôi tôm  | Trần Ngọc Ân                              | 02 |

|     |  |  |    |
|-----|--|--|----|
|     | sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) kết hợp với rong nho ( <i>Caulerpa lentillifera</i> )  | LV4640,4641/2016                                     |    |
| 47. | Ảnh hưởng của việc sử dụng các loại thức ăn khác nhau lên khả năng thu sinh khối ở <i>Artemia</i>  | Lâm Minh Xuân<br>LV4644,4645/2016                    | 02 |
| 48. | Ảnh hưởng của việc sử dụng trong lắng tảo bằng FeCl <sub>3</sub> lên tỉ lệ sống, tăng trưởng và sinh sản của <i>artemia franciscana</i> Vĩnh Châu  | Đặng Thị Trân Em<br>LV4599,4600/2016                 | 02 |
| 49. | Ảnh hưởng của việc thay thế protein bột cá bằng protein rong xanh ( <i>Cladophora</i> sp.) trong thức ăn đến tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) | Lê Thanh Ý<br>LV4642,4643/2016                       | 02 |
| 50. | Ảnh hưởng cường độ ánh sáng lên sinh trưởng và chất lượng của tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) nuôi theo công nghệ biofloc   | Đoàn Hữu Nhân<br>LV4443,4444/2016                    | 02 |
| 51. | Ảnh hưởng hỗn hợp chiết xuất từ rong mơ ( <i>Sargassum microcystum</i> ) lên huyết học của cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) khi bổ sung vào thức ăn                           | Bùi Duy Phương<br>LV4142,4143/2016                   | 02 |
| 52. | Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng của cá tai tượng ( <i>Osphronemus gouramy</i> )   | Võ Thị Lệ Huyền<br>LV4694,4695/2016                  | 02 |
| 53. | Ảnh hưởng pH lên sự thụ tinh, phát triển phôi và tỉ lệ sống của cá bột cá trê Phú Quốc ( <i>Clarias gracilentus</i> )  | Nguyễn T Trúc Linh<br>LV4405,4406/2016               | 02 |
| 54. | Ảnh hưởng việc bổ sung bí đỏ ( <i>Cucurbita pepo</i> ) làm thức ăn cho tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) trong nuôi theo công nghệ biofloc                                | Trần Minh Bằng<br>LV4675,4676/2016                   | 02 |
| 55. | Bảo quản lạnh cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) fillet kết hợp xử lý acid acetic  | Đào Thị Mộng Trinh<br>LV4463,4464/2016               | 02 |
| 56. | Biến động chất lượng nước trong bể nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) có bổ sung chế phẩm vi sinh   | Trần Ngọc Thanh<br>LV4162,4163/2016                  | 02 |
| 57. | Biến động mật độ tổng vi khuẩn, bacillus trong bể nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) có bổ sung chế phẩm vi sinh  | Mai Ngọc Diễm<br>LV4160,4161/2016                    | 02 |
| 58. | Biến động vi khuẩn trong hệ thống nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) ở các mật độ khác nhau trong hệ thống có và không lọc tuần hoàn  | Võ Thành Dinh<br>LV4800,4801,4909,<br>4910,4911/2016 | 05 |
| 59. | Chiết suất và bảo quản dịch chiết enzyme protease từ hệ tiêu hóa cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )   | Nguyễn Lương Nhân<br>LV4513,4514/2016                | 02 |
| 60. | Chuẩn hóa qui trình PCR phát hiện vi khuẩn <i>Aeromonas schubertii</i> từ mô cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) bệnh mù gan  | Trần T Mộng Kha<br>LV4955,4956/2016                  | 2  |
| 61. | Đặc điểm dinh dưỡng của cá xác sọc ( <i>Pangasius macronema</i> Bleeker, 1850)   | Phạm Hoàng Tiến<br>LV4120,4121/2016                  | 2  |
| 62. | Đặc điểm gen kháng kháng sinh của vi khuẩn   | Đặng Huỳnh Minh                                      | 04 |

|     |   |  |    |
|-----|---|--|----|
|     | <i>Escherichia coli</i> sinh men $\beta$ -Lactamase phổ rộng trên cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp.</i> )   | Trúc LV4802,4803,4907,4908/2016                    |    |
| 63. | Đặc điểm hình thái và di truyền cá rô biển( <i>Pristolepis fasciata</i> Bleeker, 1851)  | Võ Thị Ngọc Thuyền<br>LV4347,4348/2016             | 02 |
| 64. | Đặc điểm hình thái, cấu trúc mô tinh sào và sức sản xuất của một số loài cá trê (Clariidae) trong giai đoạn thành thực sinh dục   | Nguyễn Hồng Nhung<br>LV4407,4408/2016              | 02 |
| 65. | Đặc điểm môi trường, tăng trưởng và hiệu quả kinh tế nuôi tôm chân trắng( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) theo mô hình tôm-lúa áp dụng công nghệ biolocs tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | Phát Tiến Thành<br>LV4626,4627/2016                | 02 |
| 66. | Đặc điểm môi trường, tăng trưởng và hiệu quả nuôi tôm chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) quảng canh cải tiến áp dụng công nghệ biolocs ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu          | Nguyễn Đức Thành<br>LV4419,4420/2016               | 02 |
| 67. | Đặc điểm sinh học sinh sản cá đù ngàn ( <i>Dendrophysa russelli</i> , (Cuvier, 1830))   | Lê Văn Em<br>LV<br>LV4217,4218,4219,4240,4241/2016 | 05 |
| 68. | Đặc điểm sinh học sinh sản của cá ba thú ( <i>Rastrelliger brachysoma</i> , Bleeker, 1851)  | Nguyễn Thị Thuận,<br>LV4230,4231/2016              | 02 |
| 69. | Đặc điểm sinh học và phân bố của cá thòi lòi ( <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> ) ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long  | Cao Thế Nhân<br>LV4246,4247/2016                   | 02 |
| 70. | Đặc điểm sinh trưởng và dinh dưỡng cá sừ <i>Boesemania microlepis</i> (Bleeker, 1858)   | Nguyễn Mộng Thi<br>LV4232,4233/2016                | 02 |
| 71. | Đặc điểm thành phần loài và phân bố của tôm họ Penaeidae ở vùng ven biển tây tỉnh Cà Mau  | Ngô Duy Linh<br>LV4122,4123/2016                   | 2  |
| 72. | Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> bloch, 1795) trong ao ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh   | Lương T Hồng Tươi<br>LV4289,4290/2016              | 02 |
| 73. | Đánh giá hiện trạng chất lượng nước khu bảo tồn đất ngập nước Láng sen  | Nguyễn Trung Tín<br>LV4156,4157/2016               | 02 |
| 74. | Đánh giá hiện trạng khai thác của nghề lưới kéo ven bờ ở tỉnh Bạc Liêu  | Kiên Phương Nam<br>LV4226,4227/2016                | 02 |
| 75. | Đánh giá hiện trạng khai thác của nghề lưới rập xếp ven bờ tỉnh Bạc Liêu  | Trần Khả Tú<br>LV4228,4229/2016                    | 02 |
| 76. | Đánh giá hiện trạng khai thác của nghề lưới rê ven bờ ở tỉnh Bạc Liêu   | Lê Thị Yến Nhi<br>LV4224,4225/2016                 | 02 |
| 77. | Đánh giá hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản ở tỉnh   | Lê Thị Thiên Trinh                                 | 02 |

|     |   |  |    |
|-----|---|--|----|
|     | Đồng Tháp   | LV4248,4249/2016                               |    |
| 78. | Đánh giá hiện trạng khai thác thủy sản ở tỉnh An Giang  | Thạch Thị Thu Dâng<br>LV 4250,4251/2016        | 02 |
| 79. | Đánh giá hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi hàu ( <i>Crassostrea</i> sp) tỉnh Bến Tre  | Trần Thị Thùy Vân<br>LV4712,4713/2016          | 02 |
| 80. | Đánh giá hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi nghêu ( <i>Meretrix Lyrata</i> ) ở tỉnh Bến Tre  | Phan T Phương<br>Dung<br>LV4673,4374/2016      | 02 |
| 81. | Đánh giá hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) luân canh với tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) tại Bến Tre                   | Trần Văn Tài<br>LV 4433,4434/2016              | 02 |
| 82. | Đánh giá hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) - cua biển ( <i>Scylla paramamosain</i> ) quảng canh cải tiến tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre | Châu Thị Nhung<br>LV4624,4625/2016             | 02 |
| 83. | Đánh giá hiệu quả của nấm men và $\beta$ - Glucan trong phòng bệnh phù mắt và xuất huyết trên cá điêu hồng ( <i>Oreochromis</i> sp)   | Trịnh Công Nghiệp<br>LV4896,4947,4948/<br>2016 | 2  |
| 84. | Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi sò huyết ( <i>Anadara granosa</i> ) tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre   | Nguyễn Thanh Thảo<br>LV4671,4672/2016          | 02 |
| 85. | Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) bán thâm canh lúa tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng   | Ngô Hồng Nhung<br>LV 4461,4462/2016            | 02 |
| 86. | Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) bán thâm canh lúa tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng                            | Nguyễn T Bích Như<br>LV4459,4460/2016          | 02 |
| 87. | Đánh giá hiệu quả sử dụng của forfish trong điều trị bệnh gan thận mũ và bệnh xuất huyết trên cá tra nuôi trong vèo đặt trong ao  | Lê Văn Hậu<br>LV4892,4968,4969/<br>2016        | 2  |
| 88. | Đánh giá hiệu quả tài chính nghề đánh bắt mực ven bờ ở cửa biển Khánh Hội, huyện U Minh, Cà Mau   | Lê Thị Hồng Thiêu<br>LV4305,4306/2016          | 02 |
| 89. | Đánh giá hiệu quả tài chính của các cơ sở sản xuất tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) giống ở tỉnh Trà Vinh  | Lục Trần Thị Kim<br>Ngân<br>LV4309,4310/2016   | 02 |
| 90. | Đánh giá hiệu quả tài chính-kỹ thuật của mô hình nuôi cá ba sa trong bè ở tỉnh An Giang   | Nguyễn Trúc Giang<br>LV4279,4280/2016          | 02 |
| 91. | Đánh giá hiệu quả tài chính-kỹ thuật của mô hình nuôi cá chim trắng trong bè ở tỉnh An Giang  | Nguyễn Văn Đô<br>LV4277,4278/2016              | 02 |
| 92. | Đánh giá hiệu quả tài chính-kỹ thuật của mô hình nuôi cá rô phi đỏ trong bè ở tỉnh An Giang   | Nguyễn T Tiên<br>Giang<br>LV4275,4276/2016     | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
| 93.  | Đánh giá khả năng thay thế protein bột cá bằng protein rong mềm ( <i>Cladophora</i> sp.) trong ương tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> .) giống                             | Lê Tấn Đạt<br>LV4650,4651/2016               | 02 |
| 94.  | Đánh giá khả năng thay thế thức ăn công nghiệp bằng cà rốt ( <i>Daucus carota</i> ) trong nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) theo công nghệ biofloc                  | Thị Lệ<br>LV4603,4604/2016                   | 02 |
| 95.  | Đánh giá khả năng thay thế thức ăn công nghiệp bằng khoai lang ( <i>Ipomoea batatas</i> ) trong nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) theo công nghệ biofloc            | Nguyễn Giao Linh<br>LV4435,4436/2016         | 02 |
| 96.  | Đánh giá sự tăng trưởng của một số loài rong xanh họ cladophoraceae ở các độ mặn khác nhau ở điều kiện thí nghiệm   | Võ Thị Kim Ngân<br>LV4630,4631/2016          | 02 |
| 97.  | Đánh giá tình hình nuôi cá sặc rằn ( <i>Trichogaster pectoralis</i> , Regan, 1909) thâm canh trong ao ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau  | Trần T Ngọc Rỡ<br>LV4178,4180/2016           | 02 |
| 98.  | DNA mã vạch của các loài cá lưỡi trâu họ Cynoglossidae  | Giang Thị Chánh<br>LV4345,4346/2016          | 02 |
| 99.  | Dược lực học (Pharmacodynamics) của kháng sinh doxycycline lên vi khuẩn <i>edwardsiella ictaluri</i> được phân lập từ cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )                       | Lâm Thị Bích<br>Phượng<br>LV4920,4921/2016   | 2  |
| 100. | Dược lực học (Pharmacodynamics) của thuốc kháng sinh Amoxicilin với vi khuẩn streptococcus agalactiae phân lập từ cá điêu hồng ( <i>Oreochromis</i> sp)                                   | Nguyễn Trường Em<br>LV4926,4927/2016         | 2  |
| 101. | Dược lực học (Pharmacodynamics) của thuốc kháng sinh doxycycline trên <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) | Nguyễn Thị Hồng<br>Gấm<br>LV4924,4925/2016   | 2  |
| 102. | Hiện trạng khai thác cá bằng lưới rê dọc sông Tiền trong mùa lũ ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp  | Nguyễn T Hồng<br>Thắm<br>LV4273,4274/2016    | 02 |
| 103. | Hiệu quả hoạt động của các cơ sở mua bán thủy sản ở tỉnh Sóc Trăng  | Ngô Thị Cẩm Tiên<br>LV4333,4334/2016         | 02 |
| 104. | Hiệu quả sản xuất của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo qui mô ở nông hộ tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng  | Huỳnh Mai Nương<br>LV4325,4326/2016          | 02 |
| 105. | Hiệu quả sử dụng thức ăn của cá nâu ( <i>Scatophagus argus</i> ) trong nuôi kết hợp với rong câu ( <i>Gracilaria</i> sp.)   | Đinh T Tú Cẩm<br>LV4652,4653/2016            | 02 |
| 106. | Khả năng gây bệnh của <i>Achlya</i> sp. trên cá rô phi vằn ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) và cá điêu hồng ( <i>Oreochromis</i> sp)  | Nguyễn Văn Bằng<br>LV4930,4931,4932/<br>2016 | 3  |
| 107. | Khả năng sử dụng bột cá tra làm thức ăn cho cá lóc  | Nguyễn T Thanh Tú                            | 02 |

|      |  |  |    |
|------|--|--|----|
|      | ( <i>Channa striata</i> )  | LV4210,4211/2016                             |    |
| 108. | Khả năng sử dụng các dạng sinh khối artemia khác nhau để ương lươn đồng ( <i>Fluta alba</i> ) giai đoạn giống                                    | Võ Thành Nhân<br>LV4622,4623/2016            | 02 |
| 109. | Khả năng sử dụng các loại thức ăn khác nhau lên sự phát triển của moina sp   | Trịnh Chí Cả<br>LV4124,4125/2016             | 2  |
| 110. | Khả năng sử dụng nguồn carbon khác nhau trong nuôi dị dưỡng tảo <i>Chlorella</i> sp  | Đặng T Kim Chi<br>LV4126,4137/2016           | 2  |
| 111. | Khả năng sử dụng nguồn carbon khác nhau trong nuôi quang dị dưỡng tảo <i>Chlorella</i> sp.   | Nguyễn Thị Mộng<br>Tuyên<br>LV4146,4147/2016 | 02 |
| 112. | Khả năng sử dụng thức ăn của cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) trong nuôi kết hợp với rong câu ( <i>Gracilaria</i> sp.)                 | Nguyễn Phát Đạt<br>LV4658,4659/2016          | 02 |
| 113. | Khả năng sử dụng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> trong ương nuôi luân trùng <i>Brachionus plicatilis</i>                                       | Võ Minh Nhí<br>LV4150,4152/2016              | 02 |
| 114. | Khả năng tiêu hóa bột cá biển và cá tra của cá lóc ( <i>Channa striata</i> )   | Bùi T Chúc Mai<br>LV4204,4205/2016           | 02 |
| 115. | Khảo sát ảnh hưởng của các loại giá thể lên chất lượng nước, tăng trưởng của cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) nuôi trong hệ thống tuần hoàn nước | Cao Hồng Điệp<br>LV 4403,4404/2016           | 02 |
| 116. | Khảo sát ảnh hưởng của hạn hán lên nghề muối và artemia ở tỉnh Sóc trăng - Bạc Liêu  | Trần Phúc Thịnh<br>LV4423,4424/2016          | 02 |
| 117. | Khảo sát các mô hình nuôi cá thát lát còm ( <i>Chitala ornate</i> Gray, 1831) ở huyện Phú Tân, tỉnh An Giang                                     | Ngô Huỳnh Nhật<br>Toàn<br>LV4182,4183/2016   | 02 |
| 118. | Khảo sát chất lượng nước trong ao nuôi cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ                        | Nguyễn Công Luận<br>LV4166,4167/2016         | 02 |
| 119. | Khảo sát đặc điểm sinh lý và sinh hóa của vi nấm trong môi trường ao nuôi cá thâm canh   | Phan Thanh Nhi<br>LV4916,4917/2016           | 2  |
| 120. | Khảo sát hiện trạng khai thác cá sừ ( <i>Boesemania microlepis</i> Bleeker, 1858) bằng lưới rê dọc theo tuyến sông Hậu tỉnh An Giang             | Trần Dũng Anh<br>LV4238,4239/2016            | 02 |
| 121. | Khảo sát hiện trạng khai thác thủy sản trong vùng đệm tại khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen   | Thái Trường Tính<br>LV 4252,4253/2016        | 02 |
| 122. | Khảo sát hiện trạng khai thác và đặc điểm sinh học cá sừ <i>Boesemania microlepis</i> (Bleeker, 1858) phân bố tuyến sông Hậu                     | Trương Anh Hào<br>LV4234,4235/2016           | 02 |
| 123. | Khảo sát hiện trạng kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi cá chình ( <i>Anguilla marmorata</i> ) ở tỉnh Cà Mau                                  | Đặng T Thúy Nga<br>LV4457,4458/2016          | 02 |



|      |   |   |    |
|------|---|---|----|
| 124. | Khảo sát hiện trạng nguồn lợi cá bông lau ( <i>Pangasius krempfi</i> Fang & Chau, 1949) dọc theo tuyến sông Hậu   | Nguyễn T Xuân Huê<br>LV465,4266/2016                | 02 |
| 125. | Khảo sát hiện trạng nguồn lợi và hiệu quả kinh tế của cá lười trâu ( <i>Cynoglossus arel</i> Bloch & Schneider, 1804) vảy to phân bố vùng nước lợ ven biển, tỉnh Kiên Giang | Trần Ngọc Hà<br>LV 4269,4270/2016                   | 02 |
| 126. | Khảo sát hiện trạng nuôi ếch Thái Lan ( <i>Rana tigerina tigrina</i> Dubois, 1981) tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp   | Huỳnh T Mỹ Luân<br>LV4884,4885,4887/<br>2016        | 03 |
| 127. | Khảo sát hiện trạng và thị trường tiêu thụ sinh khối artemia của vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu   | Vũ Thành Chung<br>LV4620,4621/2016                  | 02 |
| 128. | Khảo sát hiệu quả kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi của cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) trong vèo   | Dư Văn Thành<br>LV4349,4350/2016                    | 02 |
| 129. | Khảo sát hiệu quả kỹ thuật-tài chính và khả năng áp dụng tiêu chuẩn Vietgap vào mô hình nuôi lươn ( <i>Monopterus albus</i> ) ở tỉnh An Giang                               | Phạm Phước Sang<br>LV4293,4294/2016                 | 02 |
| 130. | Khảo sát khả năng chống oxy hoá của bột tảo Spirulina ( <i>Anthrospira platensis</i> )  | Nguyễn T Cẩm Tiên<br>LV4541,4542/2016               | 02 |
| 131. | Khảo sát khả năng lên giòn của cá chép ( <i>Cyprinus carpio</i> , Linnaeus 1758) bằng đậu tằm   | Nguyễn Thị Thùy<br>Dương<br>LV4365,4366/2016        | 02 |
| 132. | Khảo sát khả năng sử dụng dịch chiết bột tảo spirulina ( <i>Anthrospira platensis</i> ) trong bảo quản lạnh cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) phi lê            | Trần Thị Bích Ngọc<br>LV 4551,4552/2016             | 02 |
| 133. | Khảo sát khả năng sử dụng dịch chiết rong mơ ( <i>Sargassum microcystum</i> ) trong bảo quản lạnh cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) phi lê                         | Nguyễn Thị Ý Nhi<br>LV4539,4540/2016                | 02 |
| 134. | Khảo sát mô hình nuôi tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> DeMan, 1879) ở tỉnh An Giang   | Đặng Tiến Nhân<br>LV 4179,4181/2016                 | 02 |
| 135. | Khảo sát một số bệnh thường gặp ở cá chép ( <i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus) ương trong ao  | Võ Văn Cảnh<br>LV4918,4919/2016                     | 02 |
| 136. | Khảo sát một số bệnh thường gặp ở cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) giai đoạn nuôi thương phẩm trong ao đất   | Nguyễn Bảo Ngọc<br>Nhi<br>LV4804,4805/2016          | 02 |
| 137. | Khảo sát một số bệnh thường gặp ở cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) giai đoạn nuôi thương phẩm trong ao đất   | Nguyễn Ngọc Bảo<br>Nhi<br>LV4903,4904/2016          | 2  |
| 138. | Khảo sát một số bệnh thường gặp ở cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) giai đoạn ương giống  | Quách Minh Nhựt<br>LV4832,4833/2016                 | 02 |
| 139. | Khảo sát một số hóa chất trị bệnh do vi nấm nhiễm trên cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) và cá điêu hồng ( <i>Oreochromis</i> sp)                                  | Nguyễn Trường<br>Giang<br>LV4933,4934,4935/<br>2016 | 3  |

|      |   |   |    |
|------|---|---|----|
| 140. | Khảo sát một số mầm bệnh trên tôm nuôi thâm canh tại tỉnh Cà Mau  | Trần Tiểu Phương<br>LV4905,4906,4977,<br>4978,4879/2016 | 05 |
| 141. | Khảo sát sinh lượng và ảnh hưởng của độ phủ rong xanh ( <i>Cladophoraceae</i> ) đến chất lượng nước và năng suất của tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) trong ao quảng canh cải tiến | Văn Công Tý<br>LV4662,4663/2016                         | 02 |
| 142. | Khảo sát sự hiện diện các mầm bệnh đường ruột trên tôm nuôi ở Bạc Liêu và Sóc Trăng   | Nguyễn Hữu Phước<br>LV4893,4966,4967/<br>2016           | 3  |
| 143. | Khảo sát sự hiện diện các mầm bệnh đường ruột trên tôm nuôi ở Bạc Liêu và Sóc Trăng   | Nguyễn Hữu Phước<br>LV4377,4378/2016                    | 02 |
| 144. | Khảo sát sự hiện diện các mầm bệnh gây chậm lớn trên tôm giống nuôi ở ĐBSCL   | Nguyễn Minh Quý<br>LV4891,4949,4950/<br>2016            | 3  |
| 145. | Khảo sát sự kháng kháng sinh của <i>escherichia coli</i> sinh men beta-lactamase phổ rộng phân lập trên cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp</i> )                                      | Mã Hoàng Tuấn<br>LV4943,4944/2016                       | 2  |
| 146. | Khảo sát sự kháng kháng sinh của vi khuẩn <i>escherichia coli</i> sinh men beta-lactamase phổ rộng phân lập trên cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )                      | Trần Ngọc Sang<br>LV4945,4946/2016                      | 3  |
| 147. | Khảo sát sự phân bố và hiện trạng khai thác cá thòi lòi ( <i>Periophthalmus schlosseri Pallas, 1770</i> ) vùng ven biển Bạc Liêu  | Lê Thị Thi<br>LV4267,4268/2016                          | 02 |
| 148. | Khảo sát sự tăng trưởng của cá sặc rằn ( <i>Trichogaster pectoralis</i> , Regan 1909) trong giai đoạn nuôi thương phẩm.   | Danh Cuol<br>LV4411,4412/2016                           | 02 |
| 149. | Khảo sát sự tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất của cá sặc rằn ương trong ao giai đoạn từ bột lên giống  | Kim Hân<br>LV4413,4414/2016                             | 02 |
| 150. | Khảo sát tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) nuôi thâm canh  | Hoàng Bảo Phụng<br>LV4359,4360/2016                     | 02 |
| 151. | Khảo sát thành phần loài và giá trị dinh dưỡng của rong xanh họ Cladophoraceae trong các thủy vực nước lợ ở tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau   | Bùi Thị Cẩm Tiên<br>LV4654,4655/2016                    | 02 |
| 152. | Khảo sát tình hình bệnh gan thận mũ trên cá lóc ở Long Xuyên – An Giang   | Trần Thị Hoa<br>LV4889,4890/2016                        | 02 |
| 153. | Khảo sát tình hình nuôi lươn ( <i>Monopterus albus</i> , Zuiew, 1973) thương phẩm ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang   | Nguyễn T Thủy Tiên<br>LV4176,4177/2016                  | 02 |
| 154. | Khảo sát tình hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) thâm canh ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu   | Ngô T Hoàng Oanh<br>LV4174,4175/2016                    | 02 |
| 155. | Khảo sát tồn lưu thuốc kháng sinh Florfenicol, Doxycycline và Amoxicillin trong cá điêu hồng  | Nguyễn Khánh Nam<br>LV4375,4376                         | 02 |

|      |  |  |    |
|------|--|--|----|
|      | ( <i>Oreochromis mossambicus</i> x <i>Oreochromis niloticus</i> )<br>nuôi bè   |  |    |
| 156. | Khảo sát và so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và tài chính trong sử dụng thức ăn của hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng         | Huỳnh Thị Bảo Trân<br>LV4331,4332/2016   | 02 |
| 157. | Khảo sát vi nấm trong môi trường ao nuôi cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) và cá lóc ( <i>Channa striata</i> )                                   | Đoàn Ngọc Hoàng Minh<br>LV4914,4915/2016 | 2  |
| 158. | Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá uớp lưng xanh, <i>Nibeia soldado</i> (Lacepede, 1802)   | Nguyễn Thị Thúy An<br>LV4242,4243/2016   | 02 |
| 159. | Một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá thòi lòi ( <i>Periophthalmus schlosseri pallas, 1770</i> )  | Trương Ngọc Bưởi<br>LV 4263,4264/2016    | 02 |
| 160. | Nâng cao chất lượng bảo quản khô cá trích ( <i>Sardinella gibbosa</i> ) bằng sorbitol, màng bao chitosan, và BHT   | Huỳnh Thị Ngọc<br>LV4501,4502/2016       | 02 |
| 161. | Nâng cao chất lượng surimi cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp.</i> ) bằng albumin lòng trắng trứng, tinh bột, trehalose và màng bao gelatin                    | Hồ Thị Huệ Linh<br>LV4489,4490/2016      | 02 |
| 162. | Nâng cao chất lượng, thời gian bảo quản cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp.</i> ) xông khói bằng màng bao chitosan, gelatin có bổ sung dịch chiết tỏi tự nhiên | Trần Hồng Thắm<br>LV4493,4494/2016       | 02 |
| 163. | Nâng cao khả năng bảo quản tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) sấy bằng dịch chiết tỏi, màng bao gelatin và chitosan                          | Đặng Thị Kim Loan<br>LV4387,4388/2016    | 02 |
| 164. | Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá thác lác ( <i>Notopterus notopterus</i> )  | Phan Thị Kim Huyền<br>LV4533,4534/2016   | 02 |
| 165. | Nghiên cứu ảnh hưởng các hàm lượng canxi đến tốc độ sinh trưởng và tỷ lệ sống của ốc bươu đồng ( <i>Pila polita</i> )giai đoạn giống                         | Lê Khánh Linh<br>LV4664,4665/2016        | 02 |
| 166. | Nghiên cứu ảnh hưởng của pH lên sự sinh trưởng và tỷ lệ sống của ốc bươu đồng ( <i>Pila polita</i> )giai đoạn giống  | Dương Thị Hồng Cúc<br>LV4679,4680/2016   | 02 |
| 167. | Nghiên cứu ảnh hưởng của trọng lượng phân tử chitosan đến khả năng kháng khuẩn của màng chitosan dùng bảo quản chả cá điêu hồng( <i>Oreochromis sp</i> )     | Nguyễn T Thùy Tiên<br>LV4585,4586/2016   | 02 |
| 168. | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung NaOH đến hiệu quả thu hoạch SCD từ rong bún( <i>Enteromorpha spp</i> )   | Nguyễn T Thùy Trang<br>LV4605,4606/2016  | 02 |
| 169. | Nghiên cứu ảnh hưởng tỉ lệ C/N khác nhau lên sự phát triển của vi khuẩn vibrio trong ương ấu trùng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )                         | Nguyễn Hoàng Vinh<br>LV 4453,4454/2016   | 02 |

|      |   |   |    |
|------|---|---|----|
| 170. | Nghiên cứu bảo quản lạnh cá bớp ( <i>Rachycentron canadum</i> ) thương phẩm bằng acid citric và ascorbic  | Nguyễn T Huỳnh Giao<br>LV4491,4492/2016   | 02 |
| 171. | Nghiên cứu bảo quản SCD(Single cell detritus dạng tế bào đơn) từ rong bún ( <i>Enteromorpha intestinalis</i> )  | Lê Phước Trung<br>LV4401,4402/2016        | 02 |
| 172. | Nghiên cứu bổ sung cà rốt ( <i>Daucus carota</i> ) làm thức ăn lên sinh trưởng và chất lượng tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) nuôi theo công nghệ biofloc                 | Phạm Thanh Cường<br>LV4609,4610/2016      | 02 |
| 173. | Nghiên cứu các phương pháp bất hoạt ấu trùng copepoda <i>Apocyclops dengizicus</i> trước khi cho ăn trong ương nuôi ấu trùng tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> , Boone 1931) | Huỳnh Dù Hào<br>LV4129,4130/2016          | 2  |
| 174. | Nghiên cứu các phương pháp kích thích sinh sản vọp ( <i>Geloina coaxans</i> )   | Quách Đậm<br>LV4607,4608/2016             | 02 |
| 175. | Nghiên cứu chiết rút Agar từ rong câu chỉ vàng ( <i>Gracilaria verrucosa</i> )  | Thái Văn Phương<br>LV 4577,4578/2016      | 02 |
| 176. | Nghiên cứu chiết rút alginate từ rong mơ ( <i>Sargassum Henslowianum</i> )  | Nguyễn Mỹ Liên<br>LV4565,4566/2016        | 02 |
| 177. | Nghiên cứu chiết rút cao iod từ rong mơ ( <i>Sargassum henslowianum</i> )   | Nguyễn T Hồng Hiệp<br>LV4573,4574/2016    | 02 |
| 178. | Nghiên cứu chiết rút carrageenan từ rong sụn ( <i>Kappaphycus alvarezii</i> )   | Lê Thị Hiền<br>LV4571,4572/2016           | 02 |
| 179. | Nghiên cứu chiết rút chitosan từ vỏ tôm sắt ( <i>Parapenaeopsis Sculptilis</i> )  | Bùi Thị Ngọc Trâm<br>LV4543,4544/2016     | 02 |
| 180. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ da cá chẽm ( <i>Lates calcarifer</i> )  | Nguyễn T Hồng Thắm<br>LV4547,4548/2016    | 02 |
| 181. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ da cá Dảnh ( <i>Puntioplites proctozystron</i> )  | Đỗ Thị Thắm<br>LV4567,4568/2016           | 02 |
| 182. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ da cá hồi ( <i>Oncorhynchus mykiss</i> )  | Phan Tân An Khương<br>LV4389,4390/2016    | 02 |
| 183. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ da cá mè trắng ( <i>Hypophthalmichthys Harmandi</i> )   | Nguyễn Thái Song Trâm<br>LV4485,4486/2016 | 02 |
| 184. | Nghiên cứu chiết rút Gelatin từ da cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) theo quy trình không sử dụng hóa chất  | Trần Kim Tấn<br>LV 4535,4536/2016         | 02 |
| 185. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ da và vảy cá trích ( <i>Sardinella gibbosa</i> )  | Lê Thị Thúy Hằng<br>LV4531,4532/2016      | 02 |
| 186. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ vảy cá chẽm ( <i>Lates calcarifer</i> )   | Mai Thị Bé Quỳnh<br>LV4579,4580/2016      | 02 |

|      |  |  |    |
|------|--|--|----|
| 187. | Nghiên cứu chiết rút Gelatin từ vảy cá Dành ( <i>Puntioplites proctozystron</i> )  | Võ Thị Trúc Nhi<br>LV4569,4570/2016        | 02 |
| 188. | Nghiên cứu chiết rút gelatin từ vảy cá sông ( <i>Trachurus japonicus</i> )   | Nguyễn Kim Thùy<br>LV4487,4488/2016        | 02 |
| 189. | Nghiên cứu chiết tách chitosan từ vỏ ba khía( <i>Sesarma mederi</i> )  | Nguyễn Thúy Vy<br>LV4523,4524/2016         | 02 |
| 190. | Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản của cá lười trâu vảy to ( <i>Cynoglossus arel Bloch &amp; Schneider, 1801</i> ) phân bố vùng ven biển, tỉnh Kiên Giang                                 | Nguyễn Thị Hạnh<br>LV4260,4261/2016        | 02 |
| 191. | Nghiên cứu độ tiêu hóa phospho của cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) với các nguyên liệu khác nhau  | Trần Bảo Di<br>LV4212,4213/2016            | 02 |
| 192. | Nghiên cứu dùng màng alginate kết hợp acid sorbic bao gói sản phẩm khô mực   | Thái T Diễm<br>Phương<br>LV4397,4398/2016  | 02 |
| 193. | Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chiết rút Gelatin từ vảy cá Đieu Hồng ( <i>Oreochromis sp</i> )  | Nguyễn Anh Bảo<br>Trần<br>LV4549,4550/2016 | 02 |
| 194. | Nghiên cứu kết hợp gelatin và citric acid trong bảo quản sản phẩm chả cá mè vinh( <i>Puntius gonionotus</i> )  | Huỳnh Anh Thư<br>LV4519,4520/2016          | 02 |
| 195. | Nghiên cứu kết hợp sử dụng gelatin với tarttric acid để làm màng bao bảo quản lạnh cá đieu hồng (( <i>Oreochromis sp</i> ) phi lê  | Nguyễn Hoài Trung<br>LV4515,4516/2016      | 02 |
| 196. | Nghiên cứu khả năng gây bệnh của <i>Achlya sp.</i> trên cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )  | Võ Minh Vũ<br>LV4959,4960,4961/<br>2016    | 3  |
| 197. | Nghiên cứu khả năng phát triển của tảo <i>Chlorella sp</i> trong điều kiện dinh dưỡng dị dưỡng   | Nguyễn T Diễm My<br>LV4127,4128/2016       | 2  |
| 198. | Nghiên cứu khả năng sử dụng các dạng sinh khối <i>Artemia</i> trong ương lươn đồng ( <i>Fluta alba</i> ) từ bột lên giống  | Huỳnh Tấn Thóc<br>LV4628,4629/2016         | 02 |
| 199. | Nghiên cứu khả năng sử dụng sinh khối <i>Artemia</i> trong ương nuôi cá da beo đen( <i>Astranotus ocellatus</i> )  | Nguyễn Quốc Khang<br>LV4427,4428/2016      | 02 |
| 200. | Nghiên cứu khả năng sử dụng sinh khối <i>artemia</i> trong ương nuôi cá da beo đỏ ( <i>Astranotus ocellatus</i> )  | Phạm Phúc Hoàng<br>LV4421,4422/2016        | 02 |
| 201. | Nghiên cứu khả năng tăng cường sức đề kháng trên tôm chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) khi cho ăn thức ăn có bổ sung hỗn hợp chiết xuất từ rong mơ ( <i>Sargassum microcystum</i> ) | Trần Xuân Phương<br>LV4144,4145/2016       | 02 |
| 202. | Nghiên cứu ly trích ly dầu từ nội tạng cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )   | Nguyễn Công Tuyên<br>LV4505,4506/2016      | 02 |
| 203. | Nghiên cứu quy trình chế biến cá cam ( <i>Seriola dumerili</i> ) ngâm dầu  | Phan Thị Anh Thư<br>LV4495,4496/2016       | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
| 204. | Nghiên cứu quy trình chiết rút và chất lượng của chitosan từ vỏ tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) ở các điều kiện bảo quản khác nhau | Lê Thế Bảo<br>LV4561,4562/2016             | 02 |
| 205. | Nghiên cứu quy trình chiết tách và chất lượng gelatin từ da cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) ở các điều kiện bảo quản khác nhau          | Hồ Văn Việt<br>LV4557,4558/2016            | 02 |
| 206. | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột cá thực phẩm từ cá sặc rằn ( <i>Trichogaster pectoralis</i> ) và cá mòi ( <i>Saurida tumbil</i> )                   | Nguyễn Thị Yên Nhi<br>LV4545,4546/2016     | 02 |
| 207. | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột cá thực phẩm từ nguyên liệu cá linh ( <i>Cirrihinus juillinni</i> ) và cá bạc má ( <i>Rastrelliger kanagurta</i> )  | Lương Thị Kiều<br>Trần<br>LV4471,4472/2016 | 02 |
| 208. | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột khoáng từ xương cá ngừ ò ( <i>Auxis rochei</i> )  | Phạm Minh Thu<br>LV4527,4528/2016          | 02 |
| 209. | Nghiên cứu quy trình sản xuất chả ốc từ ốc bươu ( <i>Pila polita</i> ) kết hợp với thịt cá thát lát ( <i>Notopterus notopterus</i> )                  | Nguyễn Thụy Thảo<br>Vy<br>LV4467,4468/2016 | 02 |
| 210. | Nghiên cứu quy trình sản xuất chitosan từ phụ phẩm cua biển ( <i>Scylla paramamosain</i> )  | Nguyễn Thúy Hằng<br>LV4529,4530/2016       | 02 |
| 211. | Nghiên cứu quy trình sản xuất surimi từ cá Trắm cỏ ( <i>Ctenopharyngodon idella</i> ) và mô phỏng xúc xích thịt bò                                    | Phan Thị Huỳnh<br>Nhu<br>LV4469,4470/2016  | 02 |
| 212. | Nghiên cứu quy trình sản xuất trà từ rong nho ( <i>Caulerpa lentillifera</i> )  | Nguyễn T Hồng<br>Quới<br>LV4477,4478/2016  | 02 |
| 213. | Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá lòng tong mương ( <i>Luciosoma bleekeri</i> ) theo phương pháp thủy phân bằng enzyme                       | Nguyễn Thành Tài<br>LV4583,4584/2016       | 02 |
| 214. | Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ thịt vụn cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) bằng phương pháp thủy phân enzyme                      | Lê Hữu Danh<br>LV4581,4582/2016            | 02 |
| 215. | Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ nang mực nang ( <i>Speia esculenta</i> )   | Nguyễn T Kim Huê<br>LV4575,4576/2016       | 02 |
| 216. | Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ phụ phẩm cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp.</i> )   | Võ Thị Trúc Diễm<br>LV 4497,4498/2016      | 02 |
| 217. | Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá hồi ( <i>Oncorhynchus mykiss</i> )  | Quách Thị Vàng<br>LV4391,4392/2016         | 02 |
| 218. | Nghiên cứu sản xuất bột đạm thực phẩm từ cá cơm săng ( <i>Stolephorus tri</i> ) theo phương pháp thủy phân enzyme                                     | Đỗ Thị Các Dương<br>LV4537,4538/2016       | 02 |
| 219. | Nghiên cứu sản xuất bột đạm canxi từ tép trâu ( <i>Macrobrachium lanchesteri</i> )  | Cao Hoàng Phúc<br>LV4393,4394/2016         | 02 |
| 220. | Nghiên cứu sản xuất bột đạm từ cá trích ( <i>Sardinella gibbosa</i> ) theo phương pháp thủy phân enzyme   | Nguyễn Huỳnh Tôn<br>Nữ Kiều Tiên           | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
|      |   | LV4395,4396/2016                         |    |
| 221. | Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ con ruốc ( <i>Acetes spp</i> )   | Võ Thị Kim Duyên<br>LV 4465,4466/2016    | 02 |
| 222. | Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ gẹ ( <i>Portunus pelagicus</i> )   | Nguyễn Ngọc Sơn<br>LV4483,4484/2016      | 02 |
| 223. | Nghiên cứu sản xuất mặt hàng đồ hộp chả cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp</i> ) sốt chua cay   | La Thị Nhung<br>LV4383,4384/2016         | 02 |
| 224. | Nghiên cứu sản xuất sản phẩm ruốc ( <i>Acetes spp</i> ) sấy khô tẩm gia vị  | Mai Nguyễn Huỳnh Như<br>LV4475,4476/2016 | 02 |
| 225. | Nghiên cứu sản xuất Surimi từ thịt cá đồng ( <i>Nemipterus hexolon</i> ) với cá sơn thóc ( <i>Prichanthus arematus</i> ) và thử nghiệm sản xuất chả cua từ surimi | Lê Hoàng Phúc<br>LV4553,4554/2016        | 02 |
| 226. | Nghiên cứu sử dụng dịch chiết tảo trehalose, màng bao chitosan trong bảo quản chả cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp.</i> )   | Đình T Huỳnh Như<br>LV4503,4504/2016     | 02 |
| 227. | Nghiên cứu sử dụng gelatin kết hợp với gallic acid để bảo quản lạnh cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) fillet  | Nguyễn T Kim Ngân<br>LV4559,4560/2016    | 02 |
| 228. | Nghiên cứu sử dụng gelatin kết hợp với tannic acid để bảo quản lạnh cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) fillet  | Đình Lê T Thúy Dân<br>LV4555,4556/2016   | 02 |
| 229. | Nghiên cứu sử dụng gelatin và acid gallic trong việc bảo quản lạnh tôm sú ( <i>Penaeus monodon Fabricius</i> )  | Nguyễn Lệ Uyên<br>LV4473,4474/2016       | 02 |
| 230. | Nghiên cứu sử dụng tảo Chaetoceros lắng bằng Chitosan để nuôi artemia franciscana   | Hồ Quốc An<br>LV4449,4450/2016           | 02 |
| 231. | Nghiên cứu tận dụng đầu và xương cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) trong sản xuất bột canxi   | Đoàn T Chúc Hương<br>LV4509,4510/2016    | 02 |
| 232. | Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất Chitosan từ mai Mực Nang theo quy trình mới ( <i>Speia asculenta Hoyle</i> )   | Đào Mộng Kha<br>LV4563,4564/2016         | 02 |
| 233. | Nghiên cứu trích ly gelatin từ da cá lười trâu ( <i>Cynoglossus arel</i> )  | Đào Kim Ngân<br>LV4385,4386/2016         | 02 |
| 234. | Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) theo công nghệ biofloc với các nguồn cacbon khác nhau  | Hứa Minh Triều<br>LV4593,4594/2016       | 02 |
| 235. | Nghiên cứu quy trình sản xuất khô cá bông cát ( <i>Glossogobius giuris</i> ) tẩm gia vị   | Trần Chí Cường<br>LV4481,4482/2016       | 02 |
| 236. | Nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>L. vannamei</i> ) kết hợp với mật độ rong câu ( <i>Gracilaria sp.</i> ) khác nhau ở điều kiện trong bể                               | Lê Chí Thôi<br>LV4656,4657/2016          | 02 |
| 237. | Phân bố và thành phần các loài thuộc họ hàu ( <i>Ostreidae</i> ) tại một số tỉnh ven biển ĐBSCL   | Hà Long Xuyên<br>LV4616,4617/2016        | 02 |

|      |  |   |    |
|------|--|---|----|
| 238. | Phân công lao động và vai trò của giới trong mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến ở tỉnh Bạc Liêu   | Nguyễn Văn An<br>LV4311,4312/2016           | 02 |
| 239. | Phân tích chi phí và lợi nhuận của mô hình nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> bloch,1795) trong ao ở tỉnh Đồng Tháp                                   | Chung Ý Nhi<br>LV4315,4316/2016             | 02 |
| 240. | Phân tích chi phí, lợi nhuận của mô hình nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> bloch,1795) trong ao ở tỉnh An Giang                                      | Trần Thị Bé Uyên<br>LV 4287,4288/2016       | 02 |
| 241. | Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm lươn ( <i>Monopterus albus</i> ) nuôi ở Cần Thơ   | Phạm Cẩm Tú<br>LV4297,4298/2016             | 02 |
| 242. | Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm lươn ( <i>Monopterus albus</i> ) nuôi ở tỉnh An Giang   | Phan Thị Thùy Trang<br>LV4295,4296/2016     | 02 |
| 243. | Phân tích đặc điểm phát triển tuyến sinh dục của cá sừu, <i>Boesemania microlepis</i> (Bleeker, 1858)  | Lê Thị Huỳnh Giao<br>LV4236,4237/2016       | 02 |
| 244. | Phân tích hiện trạng tiêu dùng sản phẩm thủy sản tươi sống của hộ gia đình tại tỉnh Kiên Giang   | Nguyễn Thị Hồng Yên<br>LV4301,4302/2016     | 02 |
| 245. | Phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của nghề lưới kéo xa bờ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu  | Hoàng Mộng Kha<br>LV4704,4705               | 02 |
| 246. | Phân tích hiệu quả kinh tế và yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến mô hình nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) thương phẩm trong ao ở An Giang                | Nguyễn Rô Bin<br>LV4431,4432/2016           | 02 |
| 247. | Phân tích hiệu quả kinh tế và yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến mô hình sản xuất giống cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) ở An Giang                           | Trần Hữu Nghĩa<br>LV4681,4682,4683/<br>2016 | 03 |
| 248. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> bloch,1975) trong ao đất ở tỉnh Vĩnh Long                     | Nguyễn Lâm Đông Nhi<br>LV4285,4286/2016     | 02 |
| 249. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) quảng canh cải tiến ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu        | Ngô Minh Trí<br>LV4702,4703/2016            | 02 |
| 250. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) thâm canh ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu                  | Nguyễn Văn Phúc<br>LV4922/2016              | 1  |
| 251. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) thâm canh ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu                  | Nguyễn Văn Phúc<br>LV4688,4689/2016         | 02 |
| 252. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) thâm canh ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | Triệu Thị Bích Tuyền<br>LV4706,4707/2016    | 02 |
| 253. | Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình sản xuất giống và nuôi lươn ( <i>Monopterus albus</i> ) thương                                    | Lê Quế Anh<br>LV4708,4709/2016              | 02 |



|      |  |  |    |
|------|--|--|----|
|      | phẩm ở tỉnh Vĩnh Long  |  |    |
| 254. | Phân tích hiệu quả tài chính và kỹ thuật của mô hình nuôi cá kèo thương phẩm tại tỉnh Sóc Trăng  | Trần Thị Kim Ngân<br>LV 4313,4314/2016     | 02 |
| 255. | Phân tích hiệu quả tài chính-kỹ thuật của các cơ sở kinh doanh tôm giống tỉnh Sóc Trăng.   | Võ Thị Thùy Hương<br>LV4303,4304/2016      | 02 |
| 256. | Phân tích kênh phân phối và giá trị tăng thêm của sản phẩm tôm sú tươi sống tiêu thụ nội địa nuôi ở Sóc Trăng  | Đoàn T Huyền<br>Trang<br>LV4323,4324/2016  | 02 |
| 257. | Phân tích kênh phân phối và giá trị tăng thêm của sản phẩm tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) nuôi ở Sóc Trăng   | Nguyễn T Ngọc<br>Huyền<br>LV4321,4322/2016 | 02 |
| 258. | Phân tích khía cạnh kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi lươn ( <i>Monopterus albus</i> ) thương phẩm ở An Giang và Cần Thơ  | Trần Thị Tố Quyên<br>LV4710,4711/2016      | 02 |
| 259. | Phân tích rủi ro xảy ra bệnh của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) thâm canh ở tỉnh Sóc Trăng  | Nguyễn Thanh Tuấn<br>LV4669,4670/2016      | 03 |
| 260. | Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của hợp tác xã thương mại dịch vụ thủy nông Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh  | Võ Thị Ngọc Bích<br>LV4283,4284/2016       | 02 |
| 261. | Phân tích vai trò của phụ nữ trong hoạt động nuôi tôm sú thâm canh và quảng canh cải tiến ở tỉnh Sóc Trăng   | Châu Ngọc Ngà<br>LV4329,4330/2016          | 02 |
| 262. | Rút ngắn thời gian lên men và nâng cao chất lượng mắm tôm chua từ tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) có bổ sung enzyme bromelain thô, polyphosphate và acid citric | Nguyễn Thị Ngọc<br>Ánh<br>LV4381,4382/2016 | 02 |
| 263. | Sản xuất bột canxi từ đầu cá chột( <i>Mystus sp</i> )  | Nguyễn Thanh Lam<br>LV4525,4526/2016       | 02 |
| 264. | Sản xuất dầu cá từ gan cá tra  | Lê Thị Ngọc Thơ<br>LV4507,4508/2016        | 02 |
| 265. | Sản xuất dầu cá từ nội tạng cá điêu hồng ( <i>Oreochromis sp</i> )   | Trần T Phương Loan<br>LV 4517,4518/2016    | 02 |
| 266. | So sánh hiệu quả sản xuất giống của 3 nguồn cá sặc rằn( <i>Trichogaster pectoralic</i> , Regan 1910) Cà Mau, Kiên Giang và Đồng Tháp   | Bùi Anh Duy<br>LV4357,4358/2016            | 02 |
| 267. | So sánh hiệu quả sinh sản nhân tạo giữa hai nguồn cá sặc rằn ( <i>Trichogaster pectoralis</i> , Regan 1909) ở Đồng Tháp và Cà Mau  | Lê Quý Phát<br>LV4373,4374/2016            | 02 |
| 268. | So sánh hiệu quả tài chính giữa nuôi tôm sú ( <i>Penaeus</i>   | Nguyễn T Hồng                              | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
|      | <i>monodon</i> ) và tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) thâm canh và bán thâm canh ở tỉnh Trà Vinh                         | Diễm<br>LV4307,4308/2016                     |    |
| 269. | So sánh hiệu quả tài chính hình thức đầu tư nuôi cá tra xuất khẩu ở công ty cổ phần chế biến thủy sản Long Phú, tỉnh Hậu Giang            | Ngô Lê Toàn Thiện<br>LV4343,4344/2016        | 02 |
| 270. | So sánh khía cạnh kỹ thuật và tài chính trong nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) thâm canh giữa trong và ngoài đập Ba Lai             | Nguyễn T Bích<br>Tuyền<br>LV4317,4318/2016   | 02 |
| 271. | So sánh khía cạnh kỹ thuật và tài chính trong nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh giữa trong và ngoài đập Ba Lai ở tỉnh Bến Tre             | Huỳnh Hồng Muội<br>LV4319,4320/2016          | 02 |
| 272. | So sánh một số chỉ tiêu sinh sản và tăng trưởng của hai dòng cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) và con lai của chúng ở giai đoạn ương giống | Nguyễn Thị Mỹ<br>Ngân<br>LV4363,4364/2016    | 02 |
| 273. | So sánh một số đặc điểm hình thái của cá trê trắng phân bố ở một số địa phương ở ĐBSCL  | Nguyễn Thị Thu<br>Vân<br>LV4361,4362/2016    | 02 |
| 274. | Sự đa dạng về hình thái của cá trê lai ( <i>Clarias macrocephalus</i> x <i>Clarias gariepinus</i> ) trong giai đoạn nuôi thương phẩm      | Võ Hải Bằng<br>LV4371,4372/2016              | 02 |
| 275. | Sử dụng các loại thức ăn khác nhau trong nuôi copepod <i>Apocyclops dengizicus</i> (Lepeshkin, 1900)                                      | Nguyễn Văn Diện<br>LV4131,4132/2016          | 2  |
| 276. | Sử dụng các loại thức ăn khác nhau trong nuôi copepod <i>Schmackeria dubia</i>  | Nguyễn Khắc Nhân<br>LV4133,4134/2016         | 2  |
| 277. | Sử dụng hóa chất phòng trị bệnh nấm trên cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )  | Huỳnh Văn Ngoan<br>LV4894,4962,4963/<br>2016 | 2  |
| 278. | Sự phát triển ống tiêu hóa, bóng hơi cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) nhiễm vi nấm ( <i>Fusarium</i> sp.)                    | Nguyễn Phúc Sang<br>LV4355,4356/2016         | 02 |
| 279. | Tác động của dịch bệnh lên hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Sóc Trăng                              | Lê Thị Ngọc Anh<br>LV4299,4300/2016          | 02 |
| 280. | Thành phần động nổi ( <i>Zooplankton</i> ) trên tuyến sông Hậu và sông Cái Răng của TP Cần Thơ  | Nguyễn Hoàng<br>Giang<br>LV4138,4139/2016    | 02 |
| 281. | Thành phần động vật không xương sống cỡ lớn trên sông cái Răng, TP Cần Thơ  | Giang Xa Phol<br>LV4335,4336/2016            | 02 |
| 282. | Thành phần động vật nổi ở ao nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) quảng canh cải tiến tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu                 | Nguyễn Hữu Pháp<br>LV4164,4165/2016          | 02 |
| 283. | Thành phần động vật phiêu sinh trong ao nuôi cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , Sauvage, 1878) thâm                            | La Minh Tiến<br>LV4337,4338/2016             | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
|      | canh  |  |    |
| 284. | Thành phần loài cá trong vùng đất ngập nước Láng Sen, tỉnh Long An  | Nguyễn Thị Hoài<br>LV4254,4714/2016          | 02 |
| 285. | Thành phần loài cá và đặc điểm sinh học sinh trưởng của cá sặc bươm dọc tuyến sông Ngăn Dừa, tỉnh Bạc Liêu  | Trương Thúy Hằng<br>LV 4271,4272/2016        | 02 |
| 286. | Thành phần loài cá và sinh học sinh trưởng của cá dảnh ( <i>Puntioplites proctocystron</i> , Bleeker,1865) dọc tuyến sông Ô Môn- Giồng Riềng                                    | Võ Thị Kim Liên<br>LV4244,4245/2016          | 02 |
| 287. | Thành phần loài cá và sinh học sinh trưởng của cá mè vinh ( <i>Barbonymus gonionotus</i> , Bleeker,1849) dọc tuyến sông Vàm Xáng, tỉnh Hậu Giang                                | Phạm Quốc Nam,<br>LV4281,4282/2016           | 02 |
| 288. | Thành phần loài động vật đáy ở Búng Bình Thiên trong mùa mưa  | Bùi Chí Đông<br>LV4140,4141/2016             | 02 |
| 289. | Thành phần loài động vật phù du ở Búng Bình Thiên trong mùa khô   | Trần Nguyễn Thiên Trang<br>LV4188,4189/2016  | 02 |
| 290. | Thành phần loài động vật phù du ở Búng Bình Thiên trong mùa mưa   | Cao Thu Thảo<br>LV4186,4187/2016             | 02 |
| 291. | Thành phần loài thực vật phù du ở Búng Bình Thiên trong mùa mưa   | Trương Thanh Linh<br>LV4184,4185/2016        | 02 |
| 292. | Thành phần loài và các yếu tố kinh tế- kỹ thuật của mô hình nuôi hàu tỉnh Bạc Liêu và Bến Tre   | Đinh Công Tuấn<br>LV4429,4430/2016           | 02 |
| 293. | Thành phần loài và đặc điểm sinh học sinh trưởng của cá phèn vàng ( <i>Polynemus melanochir</i> ) dọc tuyến sông Cái Lớn, tỉnh Kiên Giang                                       | Đặng T Thùy Quyên<br>LV4257,4258/2016        | 02 |
| 294. | Thành phần thực vật phù du ở Búng Bình Thiên trong mùa khô  | Ngô Hùng Duy<br>LV4190,4191/2016             | 02 |
| 295. | Thí nghiệm sản xuất lạp xưởng từ cá thát lát ( <i>Notopterus notopterus</i> )   | Huỳnh T Thiên Kim<br>LV4479,4480/2016        | 02 |
| 296. | Thử nghiệm cảm nhiễm vi bào tử trùng ( <i>Microsporidia</i> ) với tế bào cơ và thận cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> )   | Đặng Ngọc Thiện Thảo<br>LV4957,4958/2016     | 2  |
| 297. | Thử nghiệm nuôi sinh khối copepoda làm thức ăn cho ấu trùng thủy sản vùng nước lợ   | Nguyễn Quý Lộc<br>LV4451,4452/2016           | 02 |
| 298. | Thử nghiệm phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (Acute hepatopancreatic necrosis disease) trên tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) bằng chế phẩm lactobacillus sp | Nguyễn Nhật Duy<br>LV4970,4971/2016          | 2  |
| 299. | Thử nghiệm phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) bằng chế phẩm bacillus sp  | Trần Quang Vinh<br>LV4974,4975,4976/<br>2016 | 3  |
| 300. | Thử nghiệm phòng bệnh mũ gan trên cá lóc ( <i>Channa</i>  | Trần Minh Dương                              | 2  |

|      |  |  |    |
|------|--|--|----|
|      | <i>striata</i> ) nuôi trong bể lót bạt bằng nấm men  | LV4972,4973/2016                           |    |
| 301. | Thử nghiệm phòng bệnh ở cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) giai đoạn giống nuôi trong bể bằng beta-glucan, vitamin tổng hợp và thảo dược       | Lê Văn Trọng<br>LV4964,4965/2016           | 2  |
| 302. | Thử nghiệm phòng bệnh trên cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) nuôi thương phẩm trong bể xi măng bằng beta-gluan, vitamin tổng hợp và thảo dược | Huỳnh Văn Sang<br>LV4899,4900/2016         | 2  |
| 303. | Thử nghiệm quy trình sản xuất bột cá từ cá phèn vàng ( <i>Polynemys paradiseus</i> )   | Lê Thị Huỳnh Như<br>LV4521,4522/2016       | 02 |
| 304. | Thử nghiệm sản xuất glucosamine hydroclorua từ chitosan  | Lê Minh Qui<br>LV4511,4512/2016            | 02 |
| 305. | Thử nghiệm thay thế tảo bằng các loại thức ăn khác nhau trong nuôi sinh khối copepoda <i>Apocyclops dengizicus</i> (Lepeshkin,1900)          | Giang Thị Ngọc Nền<br>LV4151,4153/2016     | 02 |
| 306. | Thực nghiệm nuôi cá sặc rằn( <i>Trichogaster pectoralis</i> ) trong ruộng vườn tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ          | Trần Thanh Việt<br>LV4409,4410/2016        | 02 |
| 307. | Thực nghiệm nuôi cá trê vàng ( <i>Clarias macrocephalus</i> ) trong ao ở Trần Đề, Sóc Trăng  | Trần Trung Khang<br>LV4341,4342/2016       | 02 |
| 308. | Thực nghiệm nuôi thâm canh tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )kết hợp với cá nâu ( <i>Scatophagus argus</i> ) ở mật độ khác nhau               | Hoàng T Thanh Nga<br>LV4437,4438/2016      | 02 |
| 309. | Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) trong bể với các mật độ khác nhau theo công nghệ biofloc                 | Trần Thanh Đạm<br>LV4591,4592/2016         | 02 |
| 310. | Thực nghiệm sản xuất giống lươn đồng ( <i>Monopterus albus</i> ) tại quận Bình Thủy, TP Cần Thơ  | Hồ Văn An<br>LV4367,4368/2016              | 02 |
| 311. | Thực nghiệm sinh sản nhân tạo cá trê vàng ( <i>Clarias macrocephalus</i> ) tại Vĩnh Thạnh, TPCT  | Phan Gia Hậu<br>LV4369,4370/2016           | 02 |
| 312. | Thực nghiệm ương ấu trùng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) với các mô hình khác nhau  | Nguyễn Trung Tính<br>LV4587,4588/2016      | 02 |
| 313. | Thực nghiệm ương giống cá trê vàng ( <i>Clarias macrocephalus</i> ) tại huyện Vĩnh Thạnh, TPCT   | Trương Hoàng Kiên<br>LV4351,4352/2016      | 02 |
| 314. | Tìm hiểu cơ cấu tổ chức quản lý và hiệu quả hoạt động tại cảng Trần Đề-Sóc trăng   | Nguyễn T Trúc<br>Huỳnh<br>LV4327,4328/2016 | 02 |
| 315. | Tìm hiểu thành phần và sản lượng khai thác nghề lưới kéo và lưới rê ở Trần Đề, Sóc Trăng   | Phạm Thị Vân Anh<br>LV4222,4223/2016       | 02 |
| 316. | Tìm hiểu tình hình khai thác và quản lý nguồn lợi thủy sản trên tuyến sông Hậu, tỉnh Vĩnh Long   | Nguyễn T Quỳnh<br>Như                      | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
|      |   | LV4255,4256/2016                           |    |
| 317. | Tìm hiểu tình hình khai thác và quản lý nguồn lợi thủy sản trên tuyến Sông Tiền, tỉnh Vĩnh Long.  | Nguyễn Thị Bích Ngọc<br>LV4259,4260/2016   | 02 |
| 318. | Tình hình sử dụng thức ăn trong nuôi cá lóc ( <i>Channa striata</i> ) ở tỉnh Trà Vinh   | Nguyễn Hồng Nhân<br>LV4208,4209/2016       | 02 |
| 319. | Tình hình tiêu thụ sản phẩm thủy sản của hộ gia đình ở tỉnh Sóc Trăng   | Trần Ngọc Minh Thảo<br>LV 4291,4292/2016   | 02 |
| 320. | Tối ưu phương pháp phân tích và đánh giá hàm lượng vitamin A từ các nguồn dầu khác nhau bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)   | Nguyễn T Thúy Duy<br>LV4399,4400/2016      | 02 |
| 321. | Ứng dụng GIS đánh giá tình hình nuôi tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> , Boone 1931) ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng   | Lư Ngọc Hân<br>LV4135,4136/2016            | 2  |
| 322. | Ương ấu trùng tôm càng xanh <i>Macrobrachium rosenbergii</i> với các nguồn carbon khác nhau theo công nghệ bioflocs   | Huỳnh Văn Đông<br>LV4595,4596/2016         | 02 |
| 323. | Ương ấu trùng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) từ Mysis ở các mật độ khác nhau trong hệ thống có và không có biofloc   | Thạch Hoàng Nam<br>LV4415,4416/2016        | 02 |
| 324. | Ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) bằng copepoda <i>Apocyclops dengizicus</i> cho ăn bằng tảo và vi sinh  | Phan Nhật Duy<br>LV4154,4155/2016          | 02 |
| 325. | Xác định ảnh hưởng của thuốc kháng sinh lên đáp ứng miễn dịch tự nhiên của tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> ) cảm nhiễm <i>V. Parahaemolyticus</i> gây hoại tử gan tụy cấp tính | Nguyễn Hoàng Sơn<br>LV4951,4952/2016       | 2  |
| 326. | Xác định bệnh ký sinh trùng trên cá chép ( <i>Cyprinus carpio</i> ) ba máu giai đoạn ương giống   | Lê Chí Thành<br>LV4898,4928,4929/<br>2016  | 3  |
| 327. | Xác định mầm bệnh ký sinh trùng trên cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) sống trong môi trường tự nhiên   | Ngô Quốc Thái<br>LV4936,4937,4938/<br>2016 | 3  |
| 328. | Xác định mật độ nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) thích hợp trong bè  | Cao Hoàng Võ Anh Giang<br>LV4168,4169/2016 | 02 |
| 329. | Xác định mật độ nuôi cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) thích hợp trong hệ thống lọc tuần hoàn  | Lâm Văn Pháp<br>LV4170,4171/2016           | 02 |
| 330. | Xác định nhu cầu lysine trong thức ăn của cá lóc giống ( <i>Channa striata</i> )  | Nguyễn Văn Vàng<br>LV4202,4203/2016        | 02 |
| 331. | Xác định nhu cầu methionine trong thức ăn của cá lóc  | Ngô Minh Nhựt                              | 02 |

|      |   |  |    |
|------|---|--|----|
|      | giống( <i>Channa striata</i> )  | LV4206,4207/2016                             |    |
| 332. | Xác định tính an toàn và hiệu lực của vaccine bất hoạt phòng bệnh phù mắt và xuất huyết trên cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) | Dương Cẩm Quyên<br>LV4897,4953,4954/<br>2016 | 2  |
| 333. | Xác định tính nhạy của một số loại kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh mũ gan trên cá lóc ( <i>Channa striata</i> )                        | Võ Ngọc Thảo<br>LV4901,4902/2016             | 02 |
| 334. | Xây dựng quy trình và đánh giá khả năng bảo quản kamaboko trà xanh từ surimi cá tra ( <i>Pangasius hypophthalmus</i> )                  | Lê Thị Kim Xuyên<br>LV4499,4500/2016         | 02 |

Σ 334nh/691q